

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **458/2025/HC-PT**
Ngày 31- 10- 2025
V/v Khởi kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực xử phạt vi phạm
hành chính, áp dụng biện pháp khắc
phục hậu quả.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu.

Bà Phạm Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Hồng Vân - Thư ký Tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 538/2025/TLPT-HC ngày 16 tháng 6 năm 2025 về “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả*”.

Do bản án hành chính số 104/2024/HC- ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2956/2025/QĐPT-HC ngày 10 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Võ Thị Mỹ T**, sinh năm 1978; (Có mặt)

Địa chỉ: Tỉnh lộ X, tổ B, ấp C2, xã ANT, huyện C3 (nay là xã ANT), TP HCM.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông **Nguyễn Văn H**, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Thành Văn C4 nhánh BD. Địa chỉ: đường L1, phường HP, TP TDM, tỉnh BD (Nay là Phường BD, TP HCM) (Có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP, huyện C2, TP HCM.

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ANT, TP HCM.
Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Ngọc S** – Chức vụ: Chủ tịch
Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Hoàng H1** - Chức vụ- Phó chủ tịch
(Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: đường Tỉnh lộ B, xã ANT, Thành phố HCM.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ANT:
Ông **Nguyễn Tấn P** và ông **Nguyễn Quốc H2** – Phòng kinh tế xã ANT. (Có mặt)

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C2, TP HCM.

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP HCM. (Vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Số TS Lê Thánh T, phường SG, TP HCM.

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Lâm Thị M, sinh năm: 1958. (Có mặt).

Người là người đại diện theo ủy quyền cho bà Lâm Thị M: Bà Võ Thị Mỹ T.
(Có mặt).

Cùng địa chỉ: Tỉnh lộ X, tổ B, ấp C2, xã ANT, huyện C3 (nay là xã ANT), TP HCM.

Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 05/01/2018, cán bộ địa chính xã AP lập biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC xác định bà T có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng trên các thửa đất số 653, 654, 655, 31 tờ bản đồ số 42 tại ấp XC, xã AP, huyện C2. Hai thửa đất số 654 và 655 tờ bản đồ số 42 xã AP, huyện C2 do bà Lâm Thị M (là mẹ của bà T) đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C2 cấp cùng ngày 12/7/2011. Hai thửa đất số 653 và 31 tờ bản đồ số 42 xã AP, huyện C2 do bà T đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C2 cấp ngày 18/01/2011 và ngày 13/5/2011. Bao gồm 13 công trình hạng mục đã kết thúc thi công và đưa vào sử dụng, nằm hoàn toàn trong chỉ giới sông Sài Gòn, tổng diện tích vi phạm là 333,4m. Vị trí, kích thước, hiện trạng các hạng mục công trình xây dựng được thể hiện trên bản vẽ hiện trạng vị trí công trình xây dựng do Công ty TNHH đo đạc san lấp mặt bằng ĐT lập ngày 13/3/2017, vi phạm điểm a khoản 6 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ- CP ngày 10/10/2013 của Chính Phủ, yêu cầu bà T khắc phục lại tình trạng ban đầu, tự phá dỡ công trình vi phạm.

Ngày 11/01/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPVPHC, xử phạt bà T 2.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc bà phải tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm.

Ngày 12/3/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 63/QĐ-UBND, nội dung giữ nguyên và tiếp tục thực hiện Quyết định số 20/QĐ-XPVPHC.

Ngày 10/5/2018 bà T nộp phạt theo biên lai số 0326810 số tiền 2.000.000 đồng nhưng chưa thực hiện tháo dỡ.

Ngày 08/8/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP ban hành Quyết định số 275/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả 13 hạng mục công trình theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPVPHC.

Ngày 14/9/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP ban hành Quyết định số 313/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Mỹ T (lần đầu), nội dung giữ nguyên và tiếp tục thực hiện nội dung Quyết định số 275/QĐ-CCXP ngày 08/8/2018.

Ngày 17/10/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C2 ban hành Quyết định số 11896/QĐ- UBND về việc tạm đình chỉ thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại (Quyết định số 313/QĐ- UBND).

Ngày 22/11/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C2 ban hành Quyết định số 10632/QĐ – UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với bà T (lần 2), nội dung công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 313/QĐ-UBND. Hủy bỏ Quyết định số 11896/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về tạm đình chỉ thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại, Giao Chủ tịch UBND xã AP vận động bà T tháo dỡ công trình vi phạm, nếu không tháo dỡ thì tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Bà T khởi kiện Quyết định số 275/QĐ - CCXP của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP đến Tòa án nhân dân huyện C2. Ngày 21/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi ban hành bản án số 08/2023/HC-ST, nội dung chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, hủy Quyết định số 275/QĐ- CCXP vì đã vi phạm trình tự thủ tục ban hành quyết định, cùng một hành vi vi phạm nhưng lập nhiều biên bản vi phạm hành chính, vi phạm khoản 3 Điều 6 Nghị định 81/2013/NĐ- CP ngày 19/7/2013. Chủ thể là cá nhân có hành vi vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ- XPVPHC là chưa đầy đủ (thiếu bà M)

Bản án số 08/2023/HC-ST đã bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị. Ngày 26/3/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành bản án hành chính phúc thẩm số 09/2024/HC-PT, nội dung hủy bản án hành chính sơ thẩm số 08/2023/HC-ST, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm vì không xét các quyết định hành chính có liên quan là Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPVPHC, Quyết định giải khiếu nại số 313/QĐ-UBND và Quyết định giải quyết khiếu nại số 10632/QĐ - UBND, xác định thiếu người tham gia tố tụng.

Ngày 04/7/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án hành chính giữa bà T và Chủ tịch UBND xã AP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C2. Bà T yêu cầu hủy Quyết định số 20/QĐ- XPVPHC, Quyết định số 275/QĐ- CCXP, Quyết định số 313/QĐ- UBND, Quyết định số 10632/QĐ-UBND.

Lý do: Bà T cho rằng trước khi sửa chữa thì mẹ bà là bà M có xin phép và được sự đồng ý bằng miệng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP sau khi sửa xong đã đưa vào sử dụng nên không đồng ý tháo dỡ. Bà không phải là chủ đầu tư, tiền sửa nhà là của bà M bỏ ra nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP xử phạt bà là không đúng.

**** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Minh T1 trình bày:***

Ngày 05/01/2018, Công chức địa chính xã AP lập biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC đối với bà Võ Thị Mỹ T thừa đất số 653, 654, 655, 31 tờ bản đồ số 42 (tài liệu bản đồ kỹ thuật số) bộ địa chính xã AP, huyện C2 do đã có hành vi thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng. Ngày 11/01/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPVPHC, xử phạt bà T 2.000.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc bà phải tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm. Ngày 08/8/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP ban hành Quyết định số 275/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả 13 hạng mục công trình theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPVPHC. Bà T khiếu nại Quyết định số 275/QĐ-UBND. Ngày 14/9/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP ban hành Quyết định số 313/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Mỹ T (lần đầu), nội dung việc khiếu nại của bà T là không có cơ sở vì công trình xây dựng của gia đình và bà T là công trình mới không phải sửa chữa, các hạng mục công trình hiện hữu trên đất của gia đình bà T nằm hoàn toàn trong chỉ giới sông và vi phạm trật tự xây dựng. Đến nay bà T vẫn chưa chấp hành Quyết định số 275/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã AP, huyện C2. Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2020). Luật xây dựng 2014 (sửa đổi bổ sung năm 2020) và các quy định pháp luật khác. Bà Võ Thị Mỹ T đã thừa nhận hành vi vi phạm của mình và đã thực hiện một phần quyết định là đóng tiền phạt, nhưng chưa thực hiện xong việc khắc phục hậu quả. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPVPHC và Quyết định cưỡng chế số 275/QĐ-CCXP là đúng quy định của pháp luật.

**** Người bị kiện, Chủ tịch UBND huyện C2 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và trình bày qua văn bản, nội dung như sau:***

Ngày 05/8/2018 Ủy ban nhân dân xã AP đã lập biên bản số 01/BB-VPHC về vi phạm hành chính và yêu cầu tự tháo dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm đối với bà T theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 02/2014/TT-BXD ngày 12/02/2014 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Cùng ngày Ủy ban nhân dân xã AP đã niêm yết biên bản tại công trình vi phạm và lập biên bản giao cho bà T, bà T nhận nhưng không đồng ý với nội dung của biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC vì khi thi công căn nhà, gia đình bà có đến xin phép tại Ủy ban nhân dân xã AP và được sự đồng ý bằng miệng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP là ông Nguyễn Văn T2 đồng thời gia đình bà đã hoàn thành thi công

và đưa vào sử dụng ổn định từ tháng 6 năm 2018. Ngoài căn nhà của gia đình bà xây dựng dọc bờ sông Sài Gòn (đoạn qua xã AP), hiện còn nhiều căn nhà xây dựng kiên cố khác, nhưng Ủy ban nhân dân xã AP không xử lý, chỉ xử lý căn nhà bà là thiếu công bằng. Sau khi ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPVPHC, Ủy ban nhân dân xã đã mời bà T đến trao quyết định nhưng bà T không đồng ý nhận quyết định và không đồng ý ký tên vào biên bản nên UBND xã đã tiến hành niêm yết tại vị trí công trình vi phạm theo quy định.

Hết thời gian bà T tự thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả trong Quyết định số 20/QĐ-XPVPHC, Ủy ban nhân dân xã AP đã có buổi làm việc yêu cầu bà nộp phạt và tự tháo dỡ công trình vi phạm trong hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản nhưng bà T không đồng ý và đang khiếu nại quyết định này. Ngày 16/3/2018, UBND xã AP làm việc lần 2 với bà T về việc thực hiện Quyết định số 20/QĐ-XPVPHC, nếu sau 10 ngày bà T không thực hiện tháo dỡ thì Ủy ban nhân dân xã AP sẽ thực hiện cưỡng chế tháo dỡ theo quy định. Ngày 06/4/2018, Ủy ban nhân dân xã AP làm việc lần 3 với bà T. Bà T đồng ý tháo dỡ trước các công trình nhỏ từ công trình 5 đến công trình 13, đối với căn nhà (công trình 1) bà đề nghị cho gia hạn đến tháng 11 năm 2018 do hiện có 5 người ở trong căn nhà chưa sắp xếp được nơi ở mới. Sau buổi làm việc Ủy ban nhân dân xã AP yêu cầu bà nộp phạt và tháo dỡ trong hạn 15 ngày. Ngày 10/5/2018 Ủy ban nhân dân xã làm việc liên quan đến đơn thỉnh cầu ngày 09/4/2018 của bà T đề nghị được tồn tại căn nhà (công trình 1) đến khi nhà nước thực hiện dự án nếu có ảnh hưởng đến căn nhà bà sẽ tự tháo dỡ. Ủy ban nhân dân xã yêu cầu bà tự tháo dỡ trong hạn 10 ngày vì công văn số 7726/UBND – QLĐT ngày 22/6/2017 và công văn 10771/UBND – QLĐT ngày 11/8/2017 không chấp nhận đơn xin tồn tại của bà, cùng ngày bà T đã thực hiện nộp phạt. Ngày 18/5/2018, Ủy ban nhân dân xã AP tiến hành kiểm tra hiện trạng bà T đã tự tháo dỡ phần mái tồn tại các căn chòi mát (công trình 5 đến thứ 13). Các hạng mục khác không thay đổi. Sau đó bà T tiếp tục có đơn xin tồn tại các công trình vi phạm, Ủy ban nhân dân huyện có các văn bản số 5959/UBND – QLĐT, công văn số 6280/UBND – QLĐT và công văn 6857/UBND–QLĐT không đồng ý cho tồn tại các công trình vi phạm của bà T trên khu đất. Ngày 08/8/2018, Chủ tịch UBND xã AP đã ban hành Quyết định cưỡng chế số 275/QĐ- CCXP, bà T khiếu nại quyết định này vì công trình 1 và 03 cây cầu bê tông (công trình 02-04) và một cây cầu gỗ đã tồn tại từ năm 2001. Năm 2016 gia đình bà mới sửa chữa lại, không phải xây mới các công trình 5-13 gia đình bà đã tự tháo dỡ. UBND xã AP đã thụ lý và ban hành Quyết định số 313/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định số 275/QĐ- CCXP. Ngày 16/10/2018 bà T có đơn khiếu nại quyết định 313/QĐ- UBND lý do tại vị trí căn nhà hiện tại của bà năm 2001 đã có căn nhà cấp 4. Sau khi nhà nước làm đường đê bao, nhà bà bị trũng thấp không ở được nên bà sửa lại cụ thể là tô tường tầng 1, xây mới thêm một phòng ở tầng 2 và ở ổn định. Do đó, Ủy ban nhân dân xã xác định bà có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng và yêu cầu tháo dỡ công trình là không đúng. Ngoài ra theo Quyết định số 275/QĐ- CCXP thể hiện trên phân đất bà có 12 công trình khác cũng được xây dựng không phép nên phải tháo dỡ gồm 3 cây cầu xi măng, 9 công trình cột bê tông. Tuy nhiên, đối với 9 công trình cột bê

tông, vì kèo cây, mái tôn, nền trảng xi măng gia đình bà đã tháo dỡ một phần hiện còn lại cột bê tông và nền xi măng (phần cột xi măng này gắn liền kết cấu sắt với phần móng bê tông dùng để giữ bờ bao khu đất của bà không bị xói mòn). Hơn nữa nếu tháo dỡ công trình sẽ làm phá hỏng bờ bao, gây ngập lún đối với khu vực ao nuôi cá và vườn cây của bà. Quá trình xác minh giải quyết khiếu nại ghi nhận năm 2001 tại vị trí khu đất của bà M và bà T có căn nhà cấp 4 diện tích nhỏ, tường xây không tô, không có lầu, lợp mái tôn. Căn nhà này do bà M xây dựng. Khoảng năm 2016, bà T thuê máy móc và xây dựng 03 cầu bê tông. Khoảng tháng 6/2016 bà T tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở từ thứ 5 đến thứ 13. Như vậy bà T cho rằng sửa chữa lại căn nhà là không có cơ sở.

Căn cứ khoản 3 Điều 3, điểm a khoản 6 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ- CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản, khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở; khoản 4 Điều 23 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP xử phạt bà T 2.000.000 đồng là đúng quy định. Căn cứ Điều 67 Nghị định 121/2013/NĐ- CP thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ- XPVPHC và Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 275/QĐ- CCXP là đúng thẩm quyền. Quyết định số 20/QĐ-XPVPHC được ban hành đúng biểu mẫu Quyết định số 02, Quyết định số 275/QĐ- CC PROÁT AIJC hành đúng biểu mẫu Quyết định số 10 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định, 97/NĐ- CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ về hướng dẫn và biện pháp thi hành thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính. Nội dung và hình thức của hai quyết định này được ban hành đúng quy định. Quyết định giải quyết khiếu nại được ban hành đúng thời hạn theo quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại 2011, nội dung đảm bảo theo Thông tư 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Tổng thanh tra chính phủ quy định về quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Quá trình đối thoại không có thêm tài liệu chứng cứ mới nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 313/QĐ- UBND và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C2 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 10632/QĐ- UBND (lần 2) là đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà M có cùng ý kiến với người khởi kiện.

Tại bản án hành chính số 104/2024/HC- ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2020); Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Luật xây dựng năm 2014; Nghị định 121/2013/NĐ- CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, kinh doanh

bất động sản, khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở; Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự đô thị; Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ T: Hủy các quyết định hành chính sau:

Quyết định số 275/QĐ-CCXP ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP, huyện C2 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP, huyện C2 về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Mỹ T.

Quyết định số 10632/QĐ – UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C2 về việc giải quyết khiếu nại đối với bà T. Địa chỉ: 1095 đường tỉnh lộ 15, ấp chợ Củ 2, xã ANT, huyện C2, TP HCM (lần 2).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ T về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính sau:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPVPHC, ngày 11/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP, huyện C2.

Quyết định giải quyết khiếu nại số 63/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP, huyện C2.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07/5/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã có đơn kháng cáo quá hạn nhưng không được chấp nhận.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 4015/QĐ-VKS-HC ngày 14/4/2025 kháng nghị một phần bản án sơ thẩm tại phần 1 quyết định án sơ thẩm. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Từ ngày 01/7/2025, sau khi sáp nhập các cơ quan hành chính nhà nước và Ủy ban nhân dân cấp huyện chấm dứt hoạt động thì người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ANT, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của Ủy ban nhân dân huyện BC là Ủy ban nhân dân xã ANT, TP HCM. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định giải quyết khiếu lần 2 đối với khiếu nại của bà T nên căn cứ điểm b khoản 2 Nghị định 141/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 thì người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC trong vụ án này là Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP HCM.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện công tố vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Trong phần tranh luận các bên đương sự trình bày:

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã ANT trình bày: Các công trình bà T xây dựng nằm trong chỉ giới lòng sông, theo quy định việc cấp phép xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện. Người bị kiện vẫn giữ nguyên các ý kiến trong đơn kháng cáo quá hạn, không có ý kiến gì thêm.

Bà T và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà T trình bày: Bà T và bà M không kháng cáo. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP ban hành quyết định cưỡng chế là không đúng quy định. Đề nghị bác kháng nghị, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Cấp phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng các quy định tố tụng, không vi phạm.

Về nội dung kháng nghị: Theo quy định tại thời điểm năm 2018 thì Quyết định số 275/QĐ-CCXP ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP, huyện C2 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là không đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, kể từ ngày 01/7/2025 UBND cấp huyện chấm dứt hoạt động, căn cứ khoản 16 Điều 2 Luật số 88/2025/QH15 thì thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế khắc phục hậu quả trong trường hợp của bà T thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nên không cần thiết phải hủy Quyết định số 275/QĐ-CCXP nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP. Đề nghị chấp nhận kháng nghị, sửa một phần quyết định án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Công trình xây dựng của bà T theo bản vẽ hiện trạng do công ty TNHH ĐT lập ngày 13/3/2017 và theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20 gồm 09 chòi mát, 01 căn nhà 2 tầng kiên cố móng bê tông cốt thép, tường gạch, mái tôn, nền gạch tàu, 03 cây cầu bằng xi măng, 01 cây cầu bằng gỗ. Các công trình này nằm hoàn toàn trong chỉ giới sông Sài Gòn, tổng diện tích vi phạm là 333,4m². Các công trình có một phần nằm trên 2 thửa đất của bà Lâm Thị M (mẹ bà T) và một phần nằm trên 2 thửa đất của bà T nhưng các công trình này đều do bà T tổ chức xây dựng nhưng đều không có giấy phép xây dựng.

[2]- Xét kháng nghị của Viện kiểm sát thì thấy:

Vị trí xây dựng nằm trong chỉ giới lòng sông và các loại công trình nêu trên theo quy định thì thẩm quyền cấp phép xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện, ở đây là thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện C2 cấp giấy phép xây dựng.

Theo quy định tại Điều 5 Nghị định 180/2007/NĐ-CP.

Điều 5. Công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng đô thị

Công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng đô thị phải bị xử lý theo quy định của Nghị định này bao gồm:

1. Công trình xây dựng theo quy định của pháp luật phải có Giấy phép xây dựng mà không có Giấy phép xây dựng.

Tại khoản 3 Điều 103 Luật xây dựng năm 2014 quy định:

Khoản 3 Điều 103. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn do mình quản lý, trừ các công trình xây dựng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 103. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn do mình quản lý, trừ các công trình xây dựng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Tại phiên tòa hôm nay, Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ANT cũng xác nhận các công trình xây dựng của bà T nằm trong chỉ giới lòng sông Sài Gòn phải do Ủy ban nhân dân huyện cấp phép.

Như vậy, công trình của bà T nêu trên nằm trong chỉ giới sông Sài Gòn thuộc trường hợp phải có giấy phép xây dựng nhưng bà T không có giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân huyện là vi phạm.

Tại Điều 17 Nghị định 180/2007/NĐ-CP quy định:

Điều 17. Thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

1. *Quyết định đình chỉ thi công xây dựng đối với công trình xây dựng vi phạm thuộc địa bàn mình quản lý; quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng vi phạm thuộc địa bàn do mình quản lý trừ những công trình quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này.*

Tại khoản 1 Điều 18 Nghị định 180/2007/NĐ-CP quy định.

Điều 18. Thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

1. *Quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng vi phạm do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy phép xây dựng hoặc Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng mà công trình xây dựng đó đã bị Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đình chỉ thi công xây dựng.*

Tại Điều 2 Thông Tư 02/2014/TT-BXD quy định chi tiết thi hành Nghị định số 121/2013/NĐ-CP quy định:

Điều 2. Về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm:

1. Việc áp dụng quy định tại Khoản 10 Điều 13, Điểm d Khoản 8 Điều 16, Điểm b Khoản 2 Điều 42, Điểm b Khoản 4 Điều 46, Điểm b Khoản 5 Điều 49, Điểm b Khoản 4 Điều 53 và Điểm b Khoản 6 Điều 55 của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP theo trình tự như sau:

d) ...

Đối với công trình xây dựng thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Xây dựng thì người có thẩm quyền xử phạt gửi hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ.

Căn cứ các quy định viện dẫn trên thì Chủ tịch UBND cấp huyện mới có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế tháo dỡ công trình xây dựng của bà T nêu trên. Việc Chủ tịch UBND xã AP ban hành quyết định cưỡng chế tháo dỡ các công trình nêu trên là không đúng thẩm quyền. Cấp sơ thẩm hủy Quyết định số 275/2018/QĐ-CCXP và các quyết định giải quyết khiếu nại là có căn cứ.

Vì vậy; không chấp nhận kháng nghị; giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát cho rằng theo quy định tại Luật số 88/2025/QH15 thì hiện nay thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được quyền ban hành quyết định cưỡng chế tháo dỡ công trình của bà T nêu trên nên đề nghị chấp nhận kháng nghị; sửa một phần quyết định án sơ thẩm. Tuy nhiên, Luật số 88/2025/QH15 không có hiệu lực hồi tố nên không có căn cứ chấp nhận kháng nghị. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm số 104/2024/HC-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị như sau:

Căn cứ:

- Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2020); Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật xây dựng năm 2014; Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản, khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, quản lý phát triển nhà và công sở; Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xây dựng về xử lý vi phạm trật tự đô thị; Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ T: Hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 275/QĐ-CCXP ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP, huyện C2 (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ANT), Thành phố Hồ Chí Minh về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP, huyện C2 (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ANT), Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà Võ Thị Mỹ T.

- Quyết định số 10632/QĐ – UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C2 (nay là Chủ tịch UBND TP HCM) về việc giải quyết khiếu nại đối với bà T. Địa chỉ: 1095 đường tỉnh lộ 15, ấp chợ C2, xã ANT, huyện C2, TP HCM (lần 2).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ T về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính sau:

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPVPHC, ngày 11/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP, huyện C2 (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ANT), TP HCM.

Quyết định giải quyết khiếu nại số 63/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP, huyện C2 (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ANT), TP HCM.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã AP, huyện C2 (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ANT), TP HCM phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C2 (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP HCM) phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0083135 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP. Hồ Chí Minh; (1)
- THADS TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- NCQLNVLQ; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- ĐHV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hùng